

Yên Thành, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Số: 08/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020. giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 9, xã Văn Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm 9, xã Văn Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Duy S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Duy S thuận tình ly hôn.
- Việc nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Duy L, sinh ngày 23 tháng 03 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Duy S phải đóng góp nuôi con với chị Quỳnh số tiền là 2.300.000đ/tháng (Hai triệu, ba trăm nghìn đồng một tháng) kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Duy L thành niên .

Anh Nguyễn Duy S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh S, chị Q có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

- Án phí: áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002797 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000đ (Hai trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Duy S phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ